

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 – 48

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C FOOD

Lô V-2E, Đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 từ trang 7 đến trang 48 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 11 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 12/01/2019, có địa chỉ tại: 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 19/03/2022

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 19/03/2022
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 19/03/2022
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thứ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 24/07/2022
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 24/07/2022

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thù
Đại diện pháp luật

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Số: 025 /2023/UHYHCM - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2023, từ trang 7 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi..

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 41.2 của Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 21/02/2022.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số
1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		328.729.844.473	227.666.048.701
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	9.869.908.378	6.845.846.450
Tiền	111		9.869.908.378	6.845.846.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.003.110.865	157.834.683.516
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	106.744.795.625	79.918.459.112
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	137.291.638.033	72.399.611.410
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.991.480.438	8.086.002.425
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.024.803.231)	(2.569.389.431)
Hàng tồn kho	140	11	74.207.750.067	57.144.186.566
Hàng tồn kho	141		74.207.750.067	57.144.186.566
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.649.075.163	5.841.332.169
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.006.166.183	231.266.848
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.524.996.825	5.491.314.302
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	117.912.155	118.751.019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302.274.929.884	261.044.033.836
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.587.413.955	879.219.180
Phải thu dài hạn khác	216	9	4.587.413.955	879.219.180
Tài sản cố định	220		197.329.273.717	143.968.910.189
Tài sản cố định hữu hình	221	13	101.181.340.451	85.087.639.236
- Nguyên giá	222		161.522.455.203	130.996.370.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.341.114.752)	(45.908.731.442)
Tài sản cố định vô hình	227	14	96.147.933.266	58.881.270.953
- Nguyên giá	228		98.405.979.091	60.213.779.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.258.045.825)	(1.332.508.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		59.200.324.253	93.151.673.981
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	59.200.324.253	93.151.673.981
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	22.021.060.579	2.025.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.996.060.579	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		19.136.857.380	21.019.230.486
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.136.857.380	20.930.379.860
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	-	88.850.626
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		631.004.774.357	488.710.082.537

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		281.224.243.649	162.824.744.827
Nợ ngắn hạn	310		270.117.472.264	159.603.123.857
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	25.291.421.030	19.202.858.705
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	127.774.573	571.637.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	9.937.229.616	10.332.156.953
Phải trả người lao động	314		7.589.389.789	7.920.521.283
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.056.972.893	324.714.895
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.811.721.284	3.891.965.786
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	219.924.009.501	115.240.353.403
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	378.953.578	2.118.915.808
Nợ dài hạn	330		11.106.771.385	3.221.620.970
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.300.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	4.981.350.000	1.598.550.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	17	3.825.421.385	1.623.070.970
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.780.530.708	325.885.337.710
Vốn chủ sở hữu	410	25	349.780.530.708	325.885.337.710
Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.000.000.000	260.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.803.652.094	51.642.884.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.642.884.365	17.889.949.546
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.160.767.729	33.752.934.819
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		12.976.878.614	14.242.453.345
TỔNG NGUỒN VỐN	440		631.004.774.357	488.710.082.537

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thử

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	433.080.724.876	341.732.954.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.484.878.772	7.460.248.043
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		430.595.846.104	334.272.706.362
Giá vốn hàng bán	11	28	310.582.467.682	239.156.538.729
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.013.378.422	95.116.167.633
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.893.580.195	2.319.534.941
Chi phí tài chính	22	30	14.169.731.498	9.044.158.683
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.710.223.810</i>	<i>8.445.961.074</i>
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.939.421)	-
Chi phí bán hàng	25	31	28.969.895.239	23.871.965.231
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	44.397.473.553	29.384.541.258
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.365.918.906	35.135.037.402
Thu nhập khác	31	32	2.022.219.239	7.877.304.725
Chi phí khác	32	33	614.293.460	1.644.770.766
Lợi nhuận khác	40		1.407.925.779	6.232.533.959
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.773.844.685	41.367.571.361
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	6.904.753.220	6.319.589.708
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	2.291.201.041	(210.424.909)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.577.890.424	35.258.406.562
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		27.707.465.155	35.154.273.543
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.129.574.731)	104.133.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	968	1.570
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	968	1.570

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		35.773.844.685	41.367.571.361
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.167.696.892	15.062.516.652
Các khoản dự phòng	03		3.455.413.800	1.244.739.396
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		88.798.205	54.216.064
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(346.459.205)	(5.616.169.520)
Chi phí lãi vay	06		13.710.223.810	8.445.961.074
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.849.518.187	60.558.835.026
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(86.676.807.432)	(11.773.226.205)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(17.063.563.501)	(11.085.389.489)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.380.007.772	12.392.795.604
Giảm chi phí trả trước	12		1.018.623.145	(2.062.130.873)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.372.598.810)	(8.445.961.074)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.520.398.308)	(2.138.953.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		750.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.556.468.427)	(402.273.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.940.937.374)	37.043.696.019
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.392.300.067)	(160.454.622.937)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		374.925.409	7.697.396.841
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	14.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.996.060.579)	(25.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	2.020.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		155.734.171	1.255.447.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.857.701.066)	(134.906.778.945)

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	100.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		421.895.676.704	350.658.321.520
Tiền trả nợ gốc vay	34		(313.829.220.606)	(349.429.049.356)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(196.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		107.870.456.098	101.229.272.164
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.071.817.658	3.366.189.238
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	6.845.846.450	3.508.985.192
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.755.730)	(29.327.980)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	9.869.908.378	6.845.846.450

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 11 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là 260.000.000.000 đồng, được chia thành 26.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 12/01/2019, có địa chỉ tại: 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 845/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 26.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 260.000.000.000 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GCF.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là 595 người (tại 31/12/2021 là 691 người)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 13/12/2022, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 845/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán GCF.

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thực phẩm, giá hàng hóa đầu vào, cùng các chính sách khuyến mãi giảm giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			31/12/2022	01/01/2022
<u>Công ty con:</u>				
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,29%	99,29%
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.	88,00%	88,00%
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	100,00%	100,00%
<u>Công ty liên kết:</u>				
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	40,00%	0,00%

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm GC Food được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Nhóm Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (chi phí xây dựng thành phẩm bất động sản để bán) được trình bày tại chi tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 15
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	05 – 06

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thể thương mại này.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành ghi nhận trong năm.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, hoạt động bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ngoài Công ty con ở Mỹ chưa đi vào hoạt động, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5.15 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Nhóm Công ty là các Công ty liên kết do Nhóm Công ty đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	185.441.451	142.940.456
Tiền gửi ngân hàng	9.684.466.927	6.702.905.994
Cộng	9.869.908.378	6.845.846.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	106.744.795.625	(6.024.803.231)	79.918.459.112	(2.519.639.431)
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(5.800.000.000)	11.600.000.000	(2.320.000.000)
- Công ty CP Sữa Việt Nam và các chi nhánh	10.604.730.351	-	4.922.375.223	-
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	9.591.752.160	-	2.403.210.700	-
- Công ty TNHH Quốc tế Cemey	6.285.276.690	-	6.285.276.690	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	10.137.782.780	-	5.889.534.780	-
- Sojitz Food Corp.	4.387.970.400	-	4.111.430.400	-
- Ông Trịnh Phương	3.781.952.811	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Quy	3.434.463.005	-	-	-
- Ông Sứ Dương Hải	2.254.917.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	44.665.950.428	(224.803.231)	44.706.631.319	(199.639.431)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	10.137.782.780	-	6.288.813.645	(199.639.431)
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	10.137.782.780	-	5.889.534.780	-
- GC Food USA INC	-	-	399.278.865	(199.639.431)

(*) Khoản phải thu từ bán hai từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	137.291.638.033	(49.750.000)	72.399.611.410	(49.750.000)
- Nhà cung cấp bao tiêu nguồn nguyên liệu (*)	121.392.693.417	-	61.703.489.760	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	15.898.944.616	(49.750.000)	10.696.121.650	(49.750.000)
Trả trước cho người bán ngắn hạn dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-	10.519.000	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	-	10.519.000	-

(*) Khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp truyền thống nông dân, hộ kinh doanh cá thể bao tiêu mua nông sản nhà đảm, nhỏ, tảo tại Ninh Thuận. Đến ngày phát hành báo cáo này, các nông sản chưa đến kỳ thu hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngắn hạn	3.991.480.438	8.086.002.425
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>3.282.909.788</i>	<i>2.912.880.132</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>688.570.650</i>	<i>5.153.122.293</i>
<i>c. Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Dài hạn	4.587.413.955	879.219.180
- Phải thu khác	3.870.087.705	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	717.326.250	879.219.180
Cộng	8.578.894.393	8.965.221.605
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>6.866.699.705</i>	<i>5.445.087.705</i>
- Ông Nguyễn Văn Thứ	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.870.087.705	3.870.087.705

(*) Chi tiết số dư ký quỹ bao gồm:

- Ký quỹ thuê văn phòng tại 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh: 195.000.000 đồng
- Ký quỹ thuê văn phòng tại 11C Nguyễn Hữu Cánh Q. Bình Thạnh: 180.000.000 đồng
- Ký quỹ làm dự án cho Sở Kế Hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận : 342.326.250 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.600.000.000	(5.800.000.000)	11.600.000.000	(2.320.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)		5.800.000.000		9.280.000.000
Các khoản khác	449.606.462	(224.803.231)	1.394.278.865	(249.389.431)
Cộng	12.049.606.462	(6.024.803.231)	12.994.278.865	(2.569.389.431)
				10.424.889.434

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.952.183.830	7.785.501.953
Công cụ dụng cụ	1.404.781.613	2.655.784.952
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	38.392.377.681	21.003.638.206
Thành phẩm	24.373.485.812	24.057.311.953
Hàng hoá	1.084.921.131	1.641.949.502
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	74.207.750.067	57.144.186.566

(*) Chi phí SX, KD dở dang tại Công ty chủ yếu là các loại nông sản như nho, ổi, táo, dưa... và các loại gia súc như, bò thịt, cừu đang trong giai đoạn sắp đến ngày thu hoạch.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.006.166.183	231.266.848
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	610.128.843	211.133.516
- Chi phí trả trước khác	396.037.340	20.133.332
Dài hạn	19.136.857.380	20.930.379.860
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.061.376.431	2.141.114.231
- Chi phí trả trước của nông trại	1.558.274.028	4.932.883.283
- Chi phí đầu tư ban đầu trồng trọt	3.439.091.542	4.672.636.150
- Chi phí thuê đất	1.590.333.589	1.021.522.667
- Chi phí trả trước khác	1.684.555.982	46.868.689
- Lợi thế quyền thuê đất (*)	7.803.225.808	8.115.354.840
Cộng	20.143.023.563	21.161.646.708

(*) Lợi thế quyền thuê đất có thời hạn 31 năm tại KCN Hố Nai, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cây lâu năm		TSCĐ khác		Cộng
	VND		VND	VND		VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ												
Tại 01/01/2022	70.387.593.079		40.795.857.595	7.384.775.869		137.239.950		9.915.149.675		2.375.754.510		130.996.370.678
- Mua trong năm	229.877.815		5.746.966.475	3.802.204.636		-		-		8.407.398.427		18.186.447.353
- Đầu tư XD CB hoàn thành	6.658.309.092		4.349.271.974	1.425.586.364		-		-		-		12.433.167.430
- Chuyển sang CCDC	-		(196.315.089)	-		-		-		-		(196.315.089)
- Điều chỉnh phân loại	2.539.449.456		(966.179.135)	-		-		-		(407.000.000)		1.573.270.321
- Thanh lý, nhượng bán	-		(328.867.308)	(734.618.182)		-		-		-		(1.063.485.490)
Tại 31/12/2022	79.815.229.442		49.400.734.512	11.877.948.687		137.239.950		9.915.149.675		10.376.152.937		161.522.455.203
HAO MÓN LŨY KẾ												
Tại 01/01/2022	(17.249.617.128)		(19.919.086.876)	(4.723.377.838)		(113.796.158)		(3.169.075.423)		(733.778.019)		(45.908.731.442)
- Khấu hao trong năm	(4.884.388.774)		(6.997.870.738)	(1.219.429.162)		(19.605.708)		(1.830.563.196)		(978.172.595)		(15.930.030.173)
- Chuyển sang CCDC	-		-	-		-		-		-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-		144.048.269	734.618.182		-		-		-		878.666.451
- Phân loại	90.761.282		528.219.130	-		-		-		-		618.980.412
Tại 31/12/2022	(22.043.244.620)		(26.244.690.215)	(5.208.188.818)		(133.401.866)		(4.999.638.619)		(1.711.950.614)		(60.341.114.752)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại 01/01/2022	53.137.975.951		20.876.770.719	2.661.398.031		23.443.792		6.746.074.252		1.641.976.491		85.087.639.236
Tại 31/12/2022	57.771.984.822		23.156.044.297	6.669.759.869		3.838.084		4.915.511.056		8.664.202.323		101.181.340.451
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 9.758.889.004 đồng.												

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay: 31.816.014.928 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ

- Tại 01/01/2022

 - Mua trong năm
 - Phân loại từ TSCĐ hữu hình
 - Giảm khác

Tại 31/12/2022

:Á TRỊ HAO MÒN

- Tại 01/01/2022

 - Khấu hao trong năm
 - Giảm khác

Tại 31/12/2022

:Á TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2022

Tại 31/12/2022

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 41.930.011.350 đồng

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
	60.158.870.000	54.909.091	60.213.779.091
	41.000.950.000	322.000.000	41.322.950.000
	-	130.000.000	130.000.000
	(3.215.750.000)	(45.000.000)	(3.260.750.000)
	97.944.070.000	461.909.091	98.405.979.091
	(1.324.424.295)	(8.083.843)	(1.332.508.138)
	(932.333.639)	(146.259.602)	(1.078.593.241)
	138.055.554	15.000.000	153.055.554
	(2.118.702.380)	(139.343.445)	(2.258.045.825)
	58.834.445.705	46.825.248	58.881.270.953
	95.825.367.620	322.565.646	96.147.933.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.447.845.232	-
Mua đất xây văn phòng và làm trang trại (*)	48.232.109.589	88.692.803.853
Căn hộ Đà Nẵng (**)	3.959.295.050	3.959.295.050
Chi phí xây dựng cơ bản khác	5.561.074.382	499.575.078
Cộng	59.200.324.253	93.151.673.981

(*) Đầu tư dự án mua đất phát triển làm vùng nguyên liệu.

(**) Đây là dự án mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay – Đà Nẵng của Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành đô là chủ đầu tư (gọi tắt là Công Ty Thành Đô), có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà nội, Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, dự án CocoBay – Đà Nẵng vẫn chưa hoàn thành và bàn giao căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Tại 31/12/2022 (VND)			Tại 01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579	-	-	-
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (5)	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579	-	-	-
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Biên Hòa (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Biên Hòa 2.000.000.000 VND, lãi suất 7,9%/năm, thời hạn 10 năm từ ngày 28/06/2018.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	VND		VND	
a Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ Cộng	-		-	88.850.626
	-		-	88.850.626
b Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả				
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế Cộng	3.825.421.385		1.623.070.970	
	3.825.421.385		1.623.070.970	

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	25.291.421.030	25.291.421.030	19.202.858.705	19.202.858.705
- Công ty TNHH Dừa Đăng Khoa	4.824.471.078	4.824.471.078	2.731.333.080	2.731.333.080
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Đồng Nai	1.325.030.703	1.325.030.703	1.360.377.442	1.360.377.442
- Công ty CP Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa	2.315.176.500	2.315.176.500	1.852.410.000	1.852.410.000
- Công ty Công Nghiệp Tân Á	1.498.202.352	1.498.202.352	991.676.763	991.676.763
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng Dầu Đồng Nai	293.920.000	293.920.000	973.615.500	973.615.500
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	341.512.041	341.512.041	367.007.091	367.007.091
- Phải trả người bán khác	14.693.108.356	14.693.108.356	10.926.438.829	10.926.438.829
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	15.609.975	15.609.975	-	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	15.609.975	15.609.975	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2022

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	127.774.573	127.774.573	571.637.024	571.637.024
- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tân Bình	-	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Global Malls	-	-	421.545.605	421.545.605
- Công ty Cổ Phần Fesdy	-	-	131.214.187	131.214.187
- Người mua ứng trước khác	127.774.573	127.774.573	18.877.232	18.877.232
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	131.214.187	131.214.187
- Công ty Cổ Phần Fesdy	-	-	131.214.187	131.214.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.332.156.953	15.999.654.907	16.394.582.244	9.937.229.616
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.281.199.144	6.797.577.037	7.699.567.176	3.379.209.005
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp	-	162.497.826	162.497.826	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	387.391.283	387.391.283	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.720.398.308	6.904.753.220	6.520.398.308	6.104.753.220
- Thuế thu nhập cá nhân	330.559.501	1.509.295.541	1.386.587.651	453.267.391
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	238.140.000	238.140.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.974.720	11.974.720	-
Cộng	10.332.156.953	15.461.740.518	15.856.667.855	9.937.229.616
	Tại 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	118.751.019	838.864	-	117.912.155
- Thuế giá trị gia tăng phải thu	118.751.019	838.864	-	117.912.155
Cộng	118.751.019	838.864	-	117.912.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lương, thưởng	314.139.413	246.737.534
- Các khoản trích trước khác	742.833.480	77.977.361
Cộng	1.056.972.893	324.714.895

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	5.811.721.284	3.891.965.786
- Kinh phí công đoàn	283.765.645	122.706.175
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	-	82.812.517
- Phải trả cổ tức	960.856.333	36.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	4.467.099.306	2.622.922.094
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	100.000.000	1.027.525.000
Dài hạn	2.300.000.000	-
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>		
- Ông Nguyễn Văn Thứ	-	36.000.000
Cộng	8.111.721.284	3.891.965.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2022		Trong năm		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	219.924.009.501	219.924.009.501	432.997.946.184	328.314.290.086	115.240.353.403	115.240.353.403
<u>Vay ngắn hạn</u>						
a. <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	219.424.009.501	219.424.009.501	432.997.946.184	328.314.290.086	114.740.353.403	114.740.353.403
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng	76.141.996.091	76.141.996.091	111.425.760.775	91.556.074.117	56.272.309.433	56.272.309.433
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (2)	31.990.397.497	31.990.397.497	90.418.531.457	71.571.177.524	13.143.043.564	13.143.043.564
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (3)	94.732.815.913	94.732.815.913	182.088.214.617	132.680.399.110	45.325.000.406	45.325.000.406
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (3)	390.000.000	390.000.000	390.000.000	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	727.200.000	727.200.000	727.200.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	15.000.000.000	15.000.000.000	47.506.639.335	32.506.639.335	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (5)	441.600.000	441.600.000	441.600.000	-	-	-
b. <u>Vay cá nhân</u>	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
- Ông Võ Thành Trự (6)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
<u>Vay dài hạn</u>	4.981.350.000	4.981.350.000	5.909.000.000	2.526.200.000	1.598.550.000	1.598.550.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ninh Thuận (3)	818.550.000	818.550.000	-	780.000.000	1.598.550.000	1.598.550.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	2.633.000.000	2.633.000.000	3.662.000.000	1.029.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	1.529.800.000	1.529.800.000	2.247.000.000	717.200.000	-	-
Cộng	224.905.359.501	224.905.359.501	438.906.946.184	330.840.490.086	116.838.903.403	116.838.903.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tên đối tượng	Số hợp đồng	Lãi suất	Số dư	Hình thức bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư	Số 01/2022/11246269/HĐTD	Theo GNN	69.985.436.741	Thế chấp
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	Số 30/2022-HĐCVHM/NHCT682-VNCC Số 90/2021-HĐCVHM/NHCT682-GC Số 01/2022/1531140/HĐTD	Theo GNN Theo GNN Theo GNN	6.156.559.350 5.752.484.584 26.237.912.913	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(3) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 490068/2021-HĐCVHM/NHCT610-CDV Số 490079/2023-HĐCVHM/NHCT610-NANGGIO Số 230080/2020-HĐCĐAT/NHCT610-SW (3)	6,5% - 6,8%/năm 9,9%/năm 12,5%/năm	64.998.630.019 29.734.185.894 1.208.550.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 2022316_3/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_4/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022606_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_2/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022697/HĐTD/KHBL/NHNT	9,3%/năm 9,3%/năm 9,3%/năm 10,8%/năm 10,8%/năm 12%/năm	634.700.000 475.700.000 435.600.000 694.000.000 599.000.000 521.200.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 0311/NTH/CD Số 0701/NTH/CD Số 0045/NTH/120122HM-I	8,4% - 8,7%/năm 8,7%/năm 6,8%/năm	1.102.900.000 868.500.000 15.000.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(6) Vay cá nhân ông Võ Thành Trợ	Số 06/2020/SW-VTT	12%/năm	500.000.000	Tin chấp

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Số đầu năm	2.118.915.808	338.833.943
- Tăng trong năm	2.546.697.426	2.182.355.579
- Chi quỹ trong năm	4.286.659.656	402.273.714
Số cuối năm	378.953.578	2.118.915.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông		Cộng
	VND	VND	không kiểm soát	VND	VND
Tại 01/01/2021	160.000.000.000	18.670.966.401	2.100.586.066	180.771.552.467	
- Lợi nhuận trong năm	-	35.154.273.543	104.133.019	35.258.406.562	
- Tăng vốn do hợp nhất	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	
- Tăng lợi nhuận do hợp nhất	-	-	37.734.260	37.734.260	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	(2.182.355.579)	-	(2.182.355.579)	
- Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	
Tại 31/12/2021	260.000.000.000	51.642.884.365	14.242.453.345	325.885.337.710	
Tại 01/01/2022	260.000.000.000	51.642.884.365	14.242.453.345	325.885.337.710	
- Lợi nhuận trong năm	-	27.707.465.155	(1.129.574.731)	26.577.890.424	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2022	-	(2.546.697.426)	-	(2.546.697.426)	
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(136.000.000)	(136.000.000)	
- Cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (*)	-	-	-	-	
Tại 31/12/2022	260.000.000.000	76.803.652.094	12.976.878.614	349.780.530.708	

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	104.000.000.000	47,84%	124.384.170.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư	19,23%	50.001.000.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.200.000.000	9,23%	24.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiền	0,02%	50.000.000	9,62%	25.000.500.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	4.359.000.000	9,62%	25.000.500.000
Các cổ đông khác	37,46%	97.390.000.000	4,46%	11.613.830.000
Cộng	100%	260.000.000.000	100%	260.000.000.000

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	160.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	100.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-
Cổ tức chia bằng cổ phiếu (*)	-	-

(*) Xem thuyết minh tại 25.1

25.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
+ Cổ phiếu thường	26.000.000	26.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
+ Cổ phiếu thường	26.000.000	26.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	4.140.866.143	163.011	1.053.169.161	45.493

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a. Tổng Doanh thu	433.080.724.876	341.732.954.405
- Doanh thu bán hàng hóa	432.875.566.520	341.490.449.933
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.294.080	173.932.900
- Doanh thu bán điện mặt trời	71.864.276	68.571.572
b. Doanh thu với các bên liên quan	-	1.817.050.000
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	1.817.050.000
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.484.878.772	7.460.248.043
- Chiết khấu thương mại	1.424.470.480	956.071.183
- Hàng bán bị trả lại	316.045.752	(1.806.972.803)
- Giảm giá hàng bán	744.362.540	8.311.149.663

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	310.181.324.798	238.528.040.209
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	326.195.580	565.682.094
Giá vốn bán điện mặt trời	74.947.304	62.816.426
Cộng	310.582.467.682	239.156.538.729

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	159.686.171	938.904.751
Lãi bán trái phiếu	-	664.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.712.509.024	713.822.260
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.385.000	2.807.930
Cộng	1.893.580.195	2.319.534.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.710.223.810	8.445.829.074
Chiết khấu thanh toán	437.784	334.778.605
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	370.007.699	207.960.040
Lỗi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	88.798.205	54.216.064
Chi phí tài chính khác	264.000	1.374.900
Cộng	14.169.731.498	9.044.158.683

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí bán hàng	28.969.895.239	23.871.965.231
- Chi phí nhân viên bán	2.882.555.029	3.187.888.296
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.342.765.890	114.436.296
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	139.052.088	83.900.937
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	8.441.543
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.531.952	131.140.560
- Chi phí bằng tiền khác	23.850.990.280	20.346.157.599
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.397.473.553	29.384.541.258
- Chi phí nhân viên quản lý	23.592.897.917	13.643.394.875
- Chi phí vật liệu, bao bì	310.934.564	300.346.455
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	734.893.469	207.732.404
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.964.835.366	1.130.015.885
- Thuế, phí và lệ phí	394.022.914	860.269.533
- Chi phí dự phòng	3.455.413.800	2.570.671.532
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.944.191.306	3.038.784.184
- Chi phí bằng tiền khác	10.000.284.217	7.633.326.390

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định, CCDC	349.473.034	4.839.384.627
Tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	-	2.004.222.222
Thu nhập khác	1.672.746.205	660.101.612
Bất lợi thương mại mua SW	-	373.596.264
Cộng	2.022.219.239	7.877.304.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý TSCĐ, CCDC	302.277	774.742.289
Tiền phạt thuế và vi phạm hành chính khác	407.450.186	439.916.335
Chi phí khác	206.540.997	430.112.142
Cộng	614.293.460	1.644.770.766

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	231.112.249.945	155.293.035.365
Chi phí nhân công	85.595.406.931	60.223.325.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.167.696.892	12.665.689.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.918.239.502	16.109.513.715
Chi phí bằng tiền khác	45.889.008.552	58.780.187.331
Cộng	401.682.601.822	303.071.751.623

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.773.844.685	41.367.571.361
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	3.098.934.603	2.141.558.581
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	14.869.506.601	4.667.075.341
+ Chi phí không được trừ	3.488.878.144	3.021.211.299
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	28.337.019	32.432.024
+ Lỗi tại công ty con	10.887.475.941	561.307.472
+ Lãi chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ	464.815.497	1.052.124.546
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(11.770.571.997)	(2.525.516.760)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	(6.377.183)	-
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng	(10.132.791.943)	(1.553.232.887)
+ Lỗ chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ	(1.631.402.871)	(972.283.873)
Chuyển lỗ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	38.872.779.288	43.509.129.942
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	9.879.358.025	22.088.497.103
Thu nhập tính thuế với thuế suất 17%	28.993.421.264	21.420.632.839
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.904.753.220	6.319.589.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.291.201.041	(210.424.909)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.291.201.041	(210.424.909)

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.707.465.155	35.154.273.543
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.546.697.426)	(2.182.355.579)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	26.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	968	1.570

38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:
Năm 2022

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
Giá vốn bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Tài sản

Tổng Nợ phải trả

Bán hàng hóa	Bán điện mặt trời	Cộng
VND	VND	VND
430.523.981.828	71.864.276	430.595.846.104
(310.507.520.378)	(74.947.304)	(310.582.467.682)
120.016.461.450	(3.083.028)	120.013.378.422
		(73.367.368.792)
		46.646.009.630
		1.893.580.195
		(14.169.731.498)
		(3.939.421)
		2.022.219.239
		(614.293.460)
		(6.904.753.220)
		(2.291.201.041)
		26.577.890.424
		631.004.774.357
		281.224.243.649

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2021

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Tài sản

Tổng Nợ phải trả

	Bán hàng hóa VND	Diện mặt trời VND	Cộng VND
	334.204.134.790	68.571.572	334.272.706.362
	(239.093.722.303)	(62.816.426)	(239.156.538.729)
	<u>95.110.412.487</u>	<u>5.755.146</u>	<u>95.116.167.633</u>
			(53.256.506.489)
			41.859.661.144
			2.319.534.941
			(9.044.158.683)
			-
			7.877.304.725
			(1.644.770.766)
			(6.319.589.708)
			<u>35.258.406.562</u>
			<u>488.710.082.537</u>
			<u>162.824.744.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cty Cổ phần Fesdy	Công ty cùng hệ thống
GC Food USA INC	Công ty cùng hệ thống
Cty TNHH An Hạnh Thông	Công ty cùng hệ thống
Nguyễn Văn Thứ	Tổng Giám đốc

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.000.003.000	5.443.206.000
- Mua hàng hóa, dịch vụ	26.128.975	-
- Cho mượn tiền	-	1.169.000.000
- Thu tiền cho mượn	-	2.962.000.000
2. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Trả cổ tức	28.000.000	-
- Tạm ứng	39.329.452.400	1.598.244.786
- Hoàn tạm ứng	38.329.452.400	1.598.244.786
- Cho mượn tiền	-	30.000.000
- Thu tiền cho mượn	-	80.000.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
1. Công ty Cổ Phần Fesdy		
- Người mua trả tiền trước	-	131.214.187
- Phải trả tiền mua hàng hóa	-	-
2. G.C Food USA Inc		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	399.278.865
3. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	-	-
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.137.782.780	5.889.534.780
- Phải thu tiền cho mượn	3.870.087.705	3.870.087.705
4. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	1.000.000.000	-
- Phải trả khác	-	36.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 20212 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc		2.587.869.147	1.806.813.378
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	767.348.814	530.342.386
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	464.920.673	357.249.605
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	709.873.993	537.672.103
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	645.725.667	381.549.284
Thù lao của Hội đồng Quản trị Cộng		-	-
		2.587.869.147	1.806.813.378

41. THÔNG TIN KHÁC

41.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Bà Triệu Thị Sim ký ngày 12/11/2022. Thời gian thuê 05 năm từ 12/11/2022 đến 11/12/2027. Giá thuê 02 năm đầu (từ 12/12/2022 đến 11/12/2024) là 90.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/12/2024 đến 11/12/2026) là 99.000.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/12/2026 đến 11/12/2027) là 104.000.000 đồng/tháng.

41.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

41.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

41.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

